

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 56/2019/HS-ST.
Ngày: 28 - 5 -2019.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

Ông Phạm Đức Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đức Xuân Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Quốc TH, sinh năm 1989 tại Quảng Nam. Nơi cư trú: **ấp 3, xã A, huyện L , tỉnh Đồng Nai**; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Lê Tấn T** và bà **Trương Thị L** ; có vợ và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh ngày 30/3/2019;

Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày **27/4/2018** bị Công an xã A, huyện L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ ngày 27/4/2018.

Nhân thân: Ngày **31/01/2008**, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo (thời gian thử thách 20 tháng) về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Bị cáo tại ngoại.

- Bị hại: Ông Trần Bửu Đ, sinh năm 1959.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 19, khu C, thị trấn D, huyện L , tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Nhà trọ ông T , tổ 15, khu M, thị trấn N, huyện L , tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo, bị hại có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo TH và ông Trần Bửu Đ có mối quan hệ quen biết nhau. Ông Đ làm nghề chạy xe honda ôm, dừng xe đón khách tại ngã tư P thuộc xã P, huyện L . Lúc 7 giờ ngày 23/9/2018, TH đến ngã tư P mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Mio biển kiểm soát 60V7-4256 của ông Đ để về nhà tại ấp 3, xã A lấy đồ, ông Đ đồng ý. Sau khi TH chạy xe về nhà thì nảy sinh ý định đi cầm cổ xe để lấy tiền chơi game. TH điều khiển xe đến tiệm bán cá do Lê Minh Ph làm chủ ở xã V, cầm cổ xe cho T (không rõ lai lịch) với giá 800.000 đồng và sử dụng chơi game bán cá, thua hết tiền. Đến 11 giờ cùng ngày, ông Đ không thấy TH trả xe nên đến công an trình báo.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 110 ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Mio, biển kiểm soát 60V7-4256, số máy 014896, số khung 014896 (đã qua sử dụng) có trị giá 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Vật chứng: 01 chiếc xe mô tô nêu trên bị cáo đã mang cầm cổ cho đối tượng tên Tuấn không rõ nhân thân lai lịch. Hiện không xác định Tuấn đang ở đâu nên không thu hồi được xe.

Về dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường cho ông Đ số tiền 4.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Đ yêu cầu bị cáo bồi thường thêm số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo đồng ý.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 65/CT-VKSLT ngày 18/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Lê Quốc TH về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa:

Tại cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ thu thập được tại hồ sơ vụ án, do đó cáo trạng của Viện kiểm sát là đúng pháp luật. Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo như tại cáo trạng.

Về xử lý vật chứng: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Mio, biển kiểm soát 60V7-4256, số máy 014896, số khung 014896 (đã qua sử dụng) chưa thu hồi được nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho ông Đ số tiền 4.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Đ yêu cầu bị cáo bồi thường thêm số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; tự nguyện bồi thường thiệt hại được quy định tại điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tội danh và mức hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Quốc TH phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 175, Điều 54, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lê Quốc TH mức án từ 4 đến 6 tháng tù.

Ý kiến của bị hại: Về mặt dân sự: Hiện nay ông có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp nào khác, xe mô tô mà bị cáo đã đem đi cầm cố là phương tiện chính để ông kiếm sống. Số tiền 4.000.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường cho ông không đủ để mua xe cũ để chạy xe ôm. Do đó, ông yêu cầu bị cáo bồi thường thêm số tiền 2.000.000 đồng. Về mặt hình sự: Bị cáo tuổi đang còn trẻ, biết ăn năn hối cải, vợ bị cáo mới sinh con nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo về chăm sóc vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Quốc TH khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ thu thập được tại hồ sơ vụ án và cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, nên có cơ sở xác định: Lúc 07 giờ ngày 23/9/2018, tại ấp K, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai, Lê Quốc TH có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Mio, biển kiểm soát 60V7-4256 của ông Trần Bửu Đ có trị giá 2.000.000 đồng, xe mô tô trên là phương tiện kiếm sống chính của ông Đ, sau đó TH mang cầm cố được 800.000 đồng và sử dụng hết vào việc chơi game bắn cá. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1

Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội ở địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo là trái pháp luật nhưng chỉ vì bản tính ham chơi nên bị cáo vẫn thực hiện. Tuy nhiên, xét thấy giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo đang được tại ngoại và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại; bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về khẩu trừ thu nhập: Xét hiện tại bị cáo chưa có việc làm ổn định nên cho bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường cho ông Đ số tiền 4.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Đ yêu cầu bị cáo bồi thường thêm số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo đồng ý. Xét sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Vật chứng là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Mio, biển kiểm soát 60V7-4256 của ông Trần Bửu Đ hiện chưa thu hồi được nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Quốc TH phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 175, Điều 36, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Quốc TH 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Quốc TH cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo.

Bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 591, 601 của Bộ luật dân sự năm 2015. Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại ông Trần Bửu Đ về việc bị cáo có trách nhiệm bồi thường thêm cho ông Đ số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Quốc TH phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND H.Long Thành;
- VKSND T. Đồng Nai;
- Công an H.Long Thành;
- Nhà tạm giữ CA H.L ;
- CCTHA H.Long Thành;
- Sở tư pháp T.Đồng Nai.
- Bị cáo;
- Lưu.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Hoa